|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: 37/2021/QĐ-UBND | *Đồng Nai, ngày 25 tháng 8 năm 2021* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật**

**một số cây trồng tại tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3672/TTr-SNN ngày 30 tháng 7 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Ban hành Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật đối với giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hệ thống tưới nước tiết kiệm trên một số cây trồng tại tỉnh Đồng Nai áp dụng cho nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác tham gia liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh tham gia liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Cụ thể trên các cây trồng:

1. Phụ lục I. Nhóm cây lương thực (03 cây): Lúa, bắp, mì (sắn);

2. Phụ lục II. Nhóm cây ăn trái (12 cây): Cam, quýt, bưởi, xoài, sầu riêng, măng cụt, mít, chôm chôm, bơ, thanh long, dưa hấu, chuối;

3. Phụ lục III. Nhóm cây công nghiệp (05 cây): Hồ tiêu, điều, ca cao, cà phê vối, mía.

4. Phụ lục IV. Nhóm nấm (07 cây): Nấm mỡ, nấm hương, nấm rơm, nấm bào ngư, nấm mèo, nấm linh chi, nấm kim châm;

5. Phụ lục V. Nhóm cây hoa (4 cây): Hoa lan Dendrobium (cắt cành), hoa lay ơn, hoa cúc, hoa thọ;

6. Phụ lục VI. Nhóm cây rau (08 cây): Các loại rau cải, dưa leo, khổ qua, bầu, bí xanh, bí đỏ, ớt, đậu rau.

*(Đính kèm Phụ lục)*

**Điều 2.**Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2021.

**Điều 3**. Giao trách nhiệm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương hướng dẫn tổ chức, thực hiện Quyết định này; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra theo quy định. Trong quá trình áp dụng nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ảnh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**Điều 4.**Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa và Long Khánh; các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Võ Văn Phi** |